

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/DS-PT

Ngày: 08-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Ông Phạm Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2014/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2014, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2014/DS-ST ngày 07/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 174A/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc S, sinh năm 1954; địa chỉ: Số H, ấp K, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lôi Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ: Số A, đường P, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 22/7/2014. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1965 (chết); địa chỉ: Số M, ấp K, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ:

3.1. Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1991 (Có mặt)

3.2. Anh Nguyễn Thiện P, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Số M, ấp K, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thiện P là anh Nguyễn Chí T. Theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2018.

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị Ngọc S - Là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Lê Thị Ngọc S trình bày: Vào ngày 10/3/2011, bà S có cho bà Đ mượn 30.000.000đ đến ngày nào bà S không nhớ, nhưng vào tháng 5 năm 2011 bà cho bà Đ mượn tiếp 40.000.000đ. Bà S kêu bà Đ viết biên nhận, bà Đ không biết viết biên nhận nội dung như thế nào, nên bà S ghi rồi đưa cho bà Đ ký tên, hai bên thống nhất ghi biên nhận vào ngày 10/3/2011. Bà S ghi biên nhận xong bà có đọc lại rồi cùng với bà Đ thống nhất ký tên vào, bà Đ ký tên, bà S ghi họ tên cho bà Đ. Mục đích bà Đ mượn 70.000.000đ của bà S là để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm lại quyền sở hữu nhà của bà Đ, vì trước đây bà Đ vay của người khác có thể chấp. Bà S với bà Đ thỏa thuận miệng là sau khi mượn số tiền xong, bà Đ làm thủ tục sở hữu nhà, thì bà Đ đi vay Ngân hàng trả lại cho bà S 70.000.000đ và vay thêm Ngân hàng cho bà S mượn 100.000.000đ để bà S sửa lại nhà để bán, khi bán nhà xong thì bà S trả lại cho bà Đ 100.000.000đ. Đến nay bà Đ không trả cho bà S 70.000.000đ. Bà S yêu cầu bà Đ trả vốn vay 70.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất 1,125%/tháng, tính từ ngày 10/4/2011 đến ngày 10/5/2013 là 19.687.500đ, tổng cộng vốn lãi là 89.687.500đ.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày (khi còn sống): Từ trước đến nay bà Đ không có mượn hay vay số tiền nào của bà S và bà Đ không có ký biên nhận gì đối với bà S. Trong khi đó bà S vay của bà Đ 100.000.000đ vào ngày 25/10/2011 và Tòa án nhân dân huyện L đã giải quyết xong. Nay bà Đ không đồng ý trả theo yêu cầu của bà S.

- Anh T trình bày: Không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà S, vì bà Đ không có vay tiền của bà S.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Bác yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trả 89.687.500đ cho bà Lê Thị Ngọc S.

Về án phí:

Bà Lê Thị Ngọc S phải chịu 4.484.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 2.242.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp tại biên lai số 009952 ngày 27/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy bà Lê Thị Ngọc S còn phải nộp tiếp tục 2.242.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/01/2014, bà Lê Thị Ngọc S kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm, buộc bà Đ trả nợ cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/7/2014

Bà Lôi Thị D đại diện theo ủy quyền của bà S trình bày: Bà S yêu cầu bà Đ trả số tiền vay 70.000.000đ, theo biên nhận vay tiền ngày 10/3/2011, do bà Đ trực tiếp ký tên trước mặt bà S. Nay bà S cung cấp biên nhận bản chính và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định chữ ký của bà Đ, để xem xét kháng cáo của bà S.

Bà Đ trình bày: Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà S, vì bà không có vay, mượn tiền của bà S và thống nhất việc trưng cầu giám định chữ ký để làm rõ việc giả mạo chữ ký.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/6/2020, anh Nguyễn Chí T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ không đồng ý trả nợ theo khởi kiện của bà S, vì anh không có nghe bà Đ vay mượn tiền của bà S và yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng quy định.

+ Về nội dung:

Ngày 22/01/2014, bà Lê Thị Ngọc S kháng cáo hợp lệ, không đồng ý án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án huyện L.

Theo bà S trình bày biên nhận ngày 10/3/2011 nội dung bà Đ mượn bà S 70 triệu, biên nhận này bà S tự ghi, bà Đ ký tên còn ghi họ tên thì bà S ghi thay bà Đ. Bà S yêu cầu bà Đ trả 70 triệu và yêu cầu lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 10/4/2011 đến ngày 10/5/2013 là 19.687.500đ, tổng cộng vốn lãi là 89.687.500đ. Còn bà Đ cho rằng không có vay hay mượn tiền gì của bà S và không có ký tên vào biên nhận ngày 10/3/2011.

Bà S có yêu cầu giám định chữ ký trong biên nhận ngày 10/3/2011. Ngày 01/4/2020 Viện khoa học hình sự - Bộ công an có kết luận số 40/C09- P5 nội dung chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Ngọc Đ dưới mục “người mượn tiền” trên mẫu cần giám định so với chữ ký của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không phải do một người ký ra. Do đó, không có chứng cứ chứng minh là bà Đ có mượn tiền của bà S, bởi vì bà Đ không thừa nhận nợ. Vì vậy, án sơ thẩm là phù hợp pháp luật. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo bà Lê Thị Ngọc S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà S ủy quyền cho bà D tham gia tố tụng, thủ tục ủy quyền thực hiện đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận. Tại phiên tòa ngày 23/7/2014, bà D yêu cầu Hội đồng xét xử thực hiện thủ tục trưng cầu giám định chữ ký của bà Đ nên đã quyết tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Nay Hội đồng xét xử mở phiên tòa tiếp tục xét xử phúc thẩm vụ án và bà D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt bà D là phù hợp.

Tòa án cấp phúc thẩm đang tiến hành thủ tục trưng cầu giám định chữ ký theo yêu cầu của bà S thì bà Đ đã chết, do chưa xác định được địa chỉ nơi cư trú của các con bà Đ, vì vậy vụ án vẫn tạm đình chỉ giải quyết theo quy định. Nay Anh T, anh P (các con của bà Đ) đã được Tòa án đưa vào tham gia

tổ tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bà Đ; anh P ủy quyền cho Anh T tham gia tố tụng và thủ tục đã thực hiện đúng quy định nên việc tiếp tục xét xử phúc thẩm là phù hợp.

[2] Bà S trình bày, bà Đ vay số tiền là 30.000.000đ vào ngày 10/3/2011, đến tháng 5 năm 2011 thì bà cho bà Đ mượn tiếp 40 triệu đồng, tổng cộng là 70.000.000đ. Bà S cho rằng, do bà Đ không biết viết nội dung biên nhận như thế nào, nên bà S viết thay ghi chung 02 khoản tiền trong cùng 01 biên nhận ngày 10/3/2011 và bà Đ đã đồng ý ký tên. Mục đích vay nhằm có tiền chuộc giấy chứng nhận QSDĐ mà Đ đã thế chấp cho người khác, để bà Đ làm thủ tục đăng ký cấp quyền sở hữu nhà. Nay bà Đ chưa trả cho bà số tiền vốn vay, nhưng bà Đ đã chết nên bà S yêu cầu những người kế thừa quyền nghĩa vụ tổ tụng của bà Đ phải trả vốn vay 70 triệu đồng, tính lãi với lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày vay đến ngày khởi kiện là 19.687.500đ. Trước đây, bà Đ trình bày là không có vay hoặc mượn số tiền nói trên của bà S và chữ ký tên trong biên nhận ngày 10/3/2011 do bà S cung cấp không phải là chữ ký của bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử yêu cầu bà S cung cấp bản chính biên nhận ngày 10/3/2011, để tiến hành trưng cầu giám định chữ ký mang tên bà Đ trong biên nhận có phải do bà Đ ký hay không, để chứng minh cho yêu cầu của bà S đòi nợ đối với bà Đ, nhưng bà S không cung cấp nên không thực hiện được việc trưng cầu giám định. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/7/2014, bà D cung cấp bản chính giấy biên nhận nợ ngày 10/3/2011 và xác định chữ ký trong biên nhận là do bà Đ trực tiếp ký tên khi lập biên nhận. Bà Đ xem biên nhận cũng khẳng định không phải do bà ký tên và cũng không có vay số tiền ghi trong biên nhận. Vì vậy, bà D yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký mang tên của bà Đ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Theo các Kết luận giám định của Công an tỉnh Đồng Tháp và Viện khoa học hình sự - Bộ công an (Văn bản số 912/KL-KTHS ngày 11/11/2019 và số 40/C09-P5 ngày 01/4/2020), đã kết luận chữ ký mang tên của bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp trong biên nhận 10/3/2011 so với chữ ký mẫu so sánh của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ là không phải do cùng một người ký ra. Trên thực tế, biên nhận do bà S viết nội dung và viết họ tên của bà Đ, nay bà D không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh bà Đ vay của bà S số tiền 70.000.000đ. Anh T không thừa nhận bà Đ có thiếu nợ vay của bà S nên không đồng ý theo yêu cầu của bà S.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Án sơ thẩm xử đã có căn cứ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí giám định: Bà S phải chịu số tiền là 10.622.000đ.

Án phí: Bà S phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc S về việc yêu cầu anh Nguyễn Chí T, anh Nguyễn Thiện P (người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ) trả số tiền vốn, lãi là 89.687.500đ.

Chi phí giám định: Bà S phải chịu số tiền 10.622.000đ (đã nộp và chi xong).

Án phí:

Bà S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.484.000đ và tiền án phí dân sự phúc thẩm là 200.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án 2.242.000đ theo biên lai số 009952 ngày 27/6/2013 và 200.000đ theo biên lai số 18720 ngày 14/02/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Vậy bà S còn phải nộp tiếp số tiền là 2.242.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Ngọc Vạng